

TỜ TRÌNH

Về việc giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công huyện Hón Quản năm 2022.

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật; Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 21 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định 1373/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước về việc giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 29/7/2022 của HĐND huyện thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 29/7/2022 của Hội đồng nhân dân huyện về việc thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 999/QĐ-UBND ngày 4/8/2022 của UBND huyện về việc giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công huyện Hón Quản năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 1417/QĐ-UBND ngày 21/10/2022 của UBND huyện về việc giao kế hoạch bổ sung vốn đầu tư công huyện Hón Quản năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 1427/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của UBND huyện về việc giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công huyện Hón Quản năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 1431/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 của UBND huyện về việc đính chính Quyết định số 1417/QĐ-UBND ngày 21/10/2022;



Căn cứ Quyết định số 1612/QĐ-UBND ngày 21/11/2022 của UBND huyện về việc giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công huyện Hớn Quản năm 2022;

Căn cứ Kết luận số 639-KL/HU ngày 01/12/2022 của Huyện ủy về Kết luận của Thường trực Huyện ủy về giao kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 (đợt 2);

Căn cứ Kết luận số 643-KL/HU ngày 8/12/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy về các nội dung trình kỳ họp HĐND huyện cuối năm 2022,

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch tại Tờ trình số 1128/TTr-TCKH ngày 08/12/2022,

Ngoài các nội dung UBND huyện đã trình HĐND huyện phục vụ kỳ họp cuối năm 2022 tại Tờ trình số 193/TTr-UBND ngày 25/11/2022. UBND huyện đã xin ý kiến Thường trực Huyện ủy về bổ sung giao phân bổ chi tiết vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi năm 2022 đợt 2 (tại Kết luận số Kết luận số 639-KL/HU ngày 01/12/2022) và điều hòa Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 (tại Kết luận số 643-KL/HU ngày 8/12/2022). Vì vậy, UBND huyện kính trình Thường trực HĐND xem xét bổ sung:

- Giao phân bổ chi tiết vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi năm 2022 đã được UBND tỉnh giao tại Quyết định số 2180/QĐ-UBND ngày 23/11/2022 cho các đơn vị là 6,292 tỷ đồng, trong đó: vốn Ngân sách Trung ương 5.720 triệu đồng, vốn ngân sách tỉnh là 572 triệu đồng.

- Điều hòa kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 cho các đơn vị: 7 tỷ đồng, cụ thể:

+ Điều chỉnh giảm:

STT	Danh mục công trình	KHV đã giao	Kế hoạch vốn đề nghị điều chỉnh	Tăng / giảm	Chủ đầu tư	Ghi chú
	Tổng cộng	7.000	0	(7.000)		
1	Đầu tư trang thiết bị các phòng họp trực tuyến và Hội trường UBND huyện	2.000	0	(2.000)	Văn phòng HĐND - UBND huyện	Dự án đang điều chỉnh chủ trương đầu tư
2	Mở rộng để định hình lộ giới 52m cho công trình đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan, huyện Hớn Quản.	5.000	0	(5.000)	Ban QLDA ĐTXD huyện	Dự án đang bị vướng BT GPMB

+ Điều chỉnh tăng:

STT	Danh mục	QĐ phê duyệt dự án		KHV đã giao	KHV điều chỉnh	Tăng / giảm	Chủ đầu tư
		Số QĐ	TMĐT				
	Tổng			20.700	27.700	7.000	
1	Nâng cấp đường Bắc Nam 3 (Đoạn từ Đông Tây 7 đến Đông Tây 11)	1600 ngày 18/11/2022	14.900	4.700	5.700	1.000	Ban QLDA ĐTXD huyện
2	Nâng cấp đường Đông Tây 1 (Đoạn từ Quốc lộ 13 đến giao đường ĐT 756C)	1603 ngày 18/11/2022	14.500	4.500	5.500	1.000	Ban QLDA ĐTXD huyện
3	Nâng cấp đường Đông Tây 4 (Đoạn từ Bắc Nam 1 đến đường Bắc Nam 7)	1599 ngày 18/11/2022	14.500	4.500	5.700	1.200	Ban QLDA ĐTXD huyện
4	Nâng cấp đường Bắc Nam 1 (Đoạn từ Đông Tây 1 đến trục chính Đông Tây), Bắc Nam 2 (đoạn từ Đông Tây 1 đến Đông Tây 7)	1598 ngày 18/11/2022	14.800	3.000	5.100	2.100	Ban QLDA ĐTXD huyện
	Nâng cấp đường Đông Tây 3 (Đoạn từ QL 13 đến đường trục chính Bắc Nam), Đông Tây 4A, Đông Tây 5A, Đông Tây 6, Đông Tây 6A	1601 ngày 18/11/2022	14.900	4.000	5.700	1.700	Ban QLDA ĐTXD huyện

(Chi tiết theo biểu phụ lục kèm theo)

Ủy ban nhân dân huyện kính trình HĐND huyện xem xét, quyết định.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT.HU, TT.HĐND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- LĐVP, CV (Quang);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH *lm*



Phan Thị Kim Oanh

PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG ĐIỀU CHỈNH NĂM 2022

(kèm theo Tờ trình số 2/M/TTr-UBND ngày 08/12/2022 của UBND huyện)

Dvt: Triệu đồng.

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC và HT	QĐ đầu tư dự án		Kế hoạch ĐTC trung hạn 2021 - 2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 đã giao tại QĐ số 999/QĐ-UBND ngày 4/8/2022; 1417/QĐ-UBND ngày 21/10/2022; 1427/QĐ-UBND ngày 25/10/2022; 1431/QĐ-UBND ngày 27/10/2022; 1612/QĐ-UBND ngày 21/11/2022			Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 sau điều chỉnh			Ghi chú
							Số	TMDT		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó		
											Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB	
A	Vốn ngân sách nhà nước							929.900	615.919	367.190	-	-	13.292	(7.000)	373.482	-	-	
	Vốn trong nước							929.900	615.919	367.190	-	-	13.292	(7.000)	373.482	-	-	
I	Vốn ngân sách địa phương							929.900	615.919	367.190	-	-	13.292	(7.000)	373.482	-	-	
1	Vốn cân đối theo phân cấp							129.100	113.340	25.830	-	-	500	(500)	25.830	-	-	
1.1	Dự án chuyển tiếp							102.700	94.140	13.170	-	-			13.170	-	-	
	Hạ tầng - Giao thông							7.600	7.600	2.100	-	-			2.100	-	-	
1	Làng nhựa đường Sóc Ruộng xã Tân Quan	X. Tân Quan	KBNN Hớn Quản	7917390	309	3338 ngày 12/7/2021		7.600	7.600	2.100					2.100			Ban QLDA
	Giáo dục							95.100	86.540	9.100	-	-			9.100	-	-	
1	Xây dựng trường THCS Tân Khai	TT. Tân Khai	KBNN Hớn Quản	7938960	073	5901 ngày 31/12/2021		70.000	70.000	2.000					2.000			Ban QLDA
2	Xây dựng 04 phòng học + tường rào + sân chơi trường MN Tân Lợi	X. Tân Lợi	KBNN Hớn Quản	7919464	071	3335 ngày 12/7/2021		4.500	2.940	1.000					1.000			Ban QLDA
3	Xây dựng 12 phòng học Trường THCS Tân Hưng	X. Tân Hưng	KBNN Hớn Quản	7919465	073	3333 ngày 12/7/2021		13.500	8.000	3.700					3.700			Ban QLDA
4	Xây dựng 08 phòng học và nâng cấp sân bê tông trường THCS Đồng Nơ	X. Đồng Nơ	KBNN Hớn Quản	7917388	073	3332 ngày 12/7/2021		7.100	5.600	2.400					2.400			Ban QLDA
5	Vốn tất toán các công trình đã quyết toán									1.970					1.970			Chi tiết PL01
1.2	Dự án khởi công mới							26.400	19.200	11.400	-	-	500	-	11.900	-	-	
	QLNN							1.500	1.500	1.500	-	-			1.500	-	-	
1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở, hội trường UBND xã Minh Đức và mua sắm trang thiết bị	X. Minh Đức	KBNN Hớn Quản			4825 ngày 14/10/2021		1.500	1.500	1.500					1.500			UBND xã Minh Đức
	Giao thông							24.900	14.700	6.900	-	-	500	-	7.400	-	-	
1	Xây dựng các tuyến đường D2, N3, N4 KDC ấp 2 xã Đồng Nơ	X. Đồng Nơ	KBNN Hớn Quản		309	4496 ngày 22/9/2021		10.000	9.000	6.900					6.900			Ban QLDA
2	Nâng cấp đường Bắc Nam 3 (Đoạn từ Đông Tây 7 đến Đông Tây 11)	TT. Tân Khai	KBNN Hớn Quản		309			14.900	5.700	-			500		500			Ban QLDA ĐTXD huyện

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC và HT	QĐ đầu tư dự án		Kế hoạch DTC trung hạn 2021 - 2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 đã giao tại QĐ số 999/QĐ-UBND ngày 4/8/2022; 1417/QĐ-UBND ngày 21/10/2022; 1427/QĐ-UBND ngày 25/10/2022; 1431/QĐ-UBND ngày 27/10/2022; 1612/QĐ-UBND ngày 21/11/2022			Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 sau điều chỉnh			Ghi chú
										Số	TMBT	Tổng số			Trong đó		Tổng số	
							Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB							Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB		
	Văn hóa						-	3.000	3.000	-	-			3.000	-	-		
1	Xây dựng, sửa chữa nhà văn hóa trên địa bàn xã Minh Đức	X. Minh Đức	KBNN Hón Quán					3.000	3.000					3.000			UBND xã Minh Đức	
1.3	Vốn chuẩn bị đầu tư								1.260				(500)	760			Chi tiết PL02	
2	Vốn sử dụng đất tỉnh phân cấp						518.500	289.240	159.740	-	-	6.500	(6.500)	159.740	-	-		
2.1	Dự án chuyển tiếp						116.450	109.100	27.751	-	-			27.751	-	-		
	Giao thông						46.450	39.100	12.800	-	-			12.800	-	-		
1	Xây dựng đường Bắc Nam 5, đoạn từ trục chính Đông Tây đến Đông Tây 7, khu TTHC huyện	TT. Tân Khai	KBNN Hón Quán	7896240	309	2204 ngày 31/12/2020	8.500	7.600	1.900					1.900			Ban QLDA	
2	Xây dựng các tuyến đường D1, D3, N1, N2 và san nền khu 1,2 ấp 2 Đồng Nơ	X. Đồng Nơ	KBNN Hón Quán	7905775	309	1459 ngày 22/6/2021	12.000	9.000	2.000					2.000			Ban QLDA	
3	Láng nhựa đường từ ấp 1 đi ngã ba ấp 3, xã Minh Tâm	X. Minh Tâm	KBNN Hón Quán	7896871	309	2215 ngày 31/12/2020	6.000	5.300	1.100					1.100			UBND xã Minh Tâm	
4	Láng nhựa đường từ ấp 3 xã Minh Tâm đi phường Hưng Chiến, TX Bình Long	X. Minh Tâm	KBNN Hón Quán	7896870	309	2214 ngày 31/12/2020	6.300	5.300	1.100					1.100			UBND xã Minh Tâm	
5	Láng nhựa đường từ ngã ba Sóc Vàng đi cầu Thanh niên ấp 4, xã Minh Tâm	X. Minh Tâm	KBNN Hón Quán	7896993	309	2155 ngày 30/12/2020	6.000	5.300	1.100					1.100			UBND xã Minh Tâm	
6	Xây dựng đường nhựa từ ấp Bình Phú đi Sóc Rul, xã An Phú	X. An Phú	KBNN Hón Quán	7927113	309	3313 ngày 9/7/2021	7.650	6.600	5.600					5.600			UBND xã An Phú	
	Giáo dục						70.000	70.000	7.200	-	-			7.200	-	-		
1	Xây dựng trường THCS Tân Khai	TT. Tân Khai	KBNN Hón Quán	7938960	073	5901 ngày 31/12/2021	70.000	70.000	7.200					7.200			Ban QLDA	
2	Vốn tất toán các công trình đã quyết toán								7.751					7.751			Chi tiết PL01	
2.2	Dự án khởi công mới						313.550	117.750	77.316	-	-	6.500	(6.500)	77.316	-	-		
*	Công trình khởi công mới phân cấp xã quản lý						5.250	4.750	4.550	-	-			4.550	-	-		
	Y tế						150	150	150	-	-			150	-	-		

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC và HT	QĐ đầu tư dự án		Kế hoạch ĐTC trung hạn 2021 - 2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 đã giao tại QĐ số 999/QĐ-UBND ngày 4/8/2022; 1417/QĐ-UBND ngày 21/10/2022; 1427/QĐ-UBND ngày 25/10/2022; 1431/QĐ-UBND ngày 27/10/2022; 1612/QĐ-UBND ngày 21/11/2022			Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 sau điều chỉnh			Ghi chú
							Số	TMDT		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó		
											Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB	
1	Sửa chữa trạm y tế xã Tân Hưng	X. Tân Hưng	KBNN Hồn Quân		139			150	150	150					150			UBND xã Tân Hưng
	Giáo dục							3.200	3.200	3.000	-	-			3.000	-	-	
1	Sửa chữa sân trường, đường vào trường MN Phước An	X. Thanh An	KBNN Hồn Quân		071			400	400	400					400			UBND xã Phước An
2	Sửa chữa, chống thấm hệ thống nhà vệ sinh trường MN Thanh Bình	X. Thanh Bình	KBNN Hồn Quân		071			200	200	200					200			UBND xã Thanh Bình
3	Sửa chữa sân trường, khu hiệu bộ Trường MN Tân Lợi	X. Tân Lợi	KBNN Hồn Quân		071			400	400	400					400			UBND xã Tân Lợi
4	Xây dựng tường rào, sân, sửa chữa khu hiệu bộ, nhà vệ sinh Trường MN Tân Hiệp	X. Tân Hiệp	KBNN Hồn Quân		071			900	900	900					900			UBND xã Tân Hiệp
5	Xây dựng hệ thống thoát nước Trường MN Tân Quan	X. Tân Quan	KBNN Hồn Quân		071			180	180	180					180			UBND xã Tân Quan
6	Xây dựng hệ thống thoát nước, sân trường, sửa chữa nhà vệ sinh trường MN An Phú	X. An Phú	KBNN Hồn Quân		071			620	620	620					620			UBND xã An Phú
7	Sửa chữa hệ thống chống thấm và sơn lại trường THCS Tân Hưng	X. Tân Hưng	KBNN Hồn Quân		073			100	100	100					100			UBND xã Tân Hưng
8	Xây dựng hàng rào trường THCS Đồng Nơ	X.Đồng Nơ	KBNN Hồn Quân		073			200	200	200					200			UBND xã Đồng Nơ
	QLNN							1.150	900	900	-	-			900	-	-	
1	Cải tạo sân nội bộ, nhà bảo vệ và nhà xe UBND xã Thanh Bình	X. Thanh Bình	KBNN Hồn Quân		341			1.150	900	900					900			UBND xã Thanh Bình
	Văn hóa							750	500	500	-	-			500	-	-	
1	Nâng cấp, sửa chữa Nhà văn hóa ấp 23 Lớn, xã Phước An	X. Phước An	KBNN Hồn Quân		161			750	500	500					500			UBND xã Phước An
**	Công trình khởi công mới							308.300	113.000	72.766	-	-	6.500	(6.500)	72.766	-	-	
	Giáo dục							25.000	7.800	5.100	-	-			5.100	-	-	

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC và HT	QĐ đầu tư dự án		Kế hoạch ĐTC trung hạn 2021 - 2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 đã giao tại QĐ số 999/QĐ-UBND ngày 4/8/2022; 1417/QĐ-UBND ngày 21/10/2022; 1427/QĐ-UBND ngày 25/10/2022; 1431/QĐ-UBND ngày 27/10/2022; 1612/QĐ-UBND ngày 21/11/2022			Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 sau điều chỉnh			Ghi chú
							Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB		Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB							
1	Xây dựng Trường Mầm non Minh Đức	X.Minh Đức	KBNN Hồn Quán		071		5916 ngày 31/12/2021	22.000	5.000	2.500					2.500			Ban QLDA
2	Xây dựng bếp ăn, hàng rào, sân bê tông và lăm mái che Trường MN Minh Tâm	X. Minh Tâm	KBNN Hồn Quán		071		2207 ngày 31/12/2020	2.000	1.800	1.600					1.600			Ban QLDA
3	Đầu tư trang thiết bị cho các trường học (đảm bảo đạt chuẩn quốc gia)		KBNN Hồn Quán					1.000	1.000	1.000					1.000			Phòng Giáo dục và Đào tạo
	Giao thông							271.100	98.200	63.166	-	-	6.500	(5.000)	64.666	-	-	
1	Xây dựng đường Đông Tây 9	TT. Tân Khai	KBNN Hồn Quán	7937743	309		4497 ngày 22/9/2021	18.000	16.000	7.978					7.978			Ban QLDA
2	Mở rộng để định hình lộ giới 52m cho công trình đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan, huyện Hồn Quán.		KBNN Hồn Quán		309		639 ngày 16/5/2022	50.000	10.000	5.000			(5.000)		-			Ban QLDA
3	Xây Dựng Đường Trục Chính Bắc Nam (Đoạn Từ Đông Tây 7 Đến Đông Tây 10)	TT Tân Khai	KBNN Hồn Quán		309		1296 ngày 4/10/2022	44.000	15.000	1.288					1.288			Ban QLDA
4	Xây Dựng Đường Vào Suối Ba Tòng, Xã Đồng Nơ (kết nối xã Minh Hưng)	X. Đồng Nơ	KBNN Hồn Quán		309		1293 ngày 4/10/2022	5.000	2.000	700					700			UBND xã Đồng Nơ
5	Xây Dựng Đường từ ấp Sở Xiêm, xã Tân Hưng kết nối đường Tân Hưng - Long Tân	X. Tân Hưng	KBNN Hồn Quán		309		1292 ngày 4/10/2022	15.000	5.000	5.000					5.000			UBND xã Tân Hưng
6	Xây Dựng Đường Ranh Xã Minh Tâm, Huyện Hồn Quán Với Phường Hưng Chiến, Tx. Bình Long	X.Minh Tâm	KBNN Hồn Quán		309		1299 ngày 4/10/2022	22.000	7.500	7.500					7.500			Ban QLDA ĐTXD huyện
7	Xây dựng thảm nhựa đường tổ 2, Khu phố 2, Thị trấn Tân Khai, tuyến 1	TT Tân Khai	KBNN Hồn Quán		309		1280 ngày 3/10/2022	4.900	2.000	2.000					2.000			UBND TT Tân Khai
8	Xây dựng thảm nhựa đường tổ 2, Khu phố 2, Thị trấn Tân Khai, tuyến 2	TT Tân Khai	KBNN Hồn Quán		309		1281 ngày 3/10/2022	4.900	2.000	2.000					2.000			UBND TT Tân Khai



STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC và HT	QĐ đầu tư dự án		Kế hoạch ĐTC trung hạn 2021 - 2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 đã giao tại QĐ số 999/QĐ-UBND ngày 4/8/2022; 1417/QĐ-UBND ngày 21/10/2022; 1427/QĐ-UBND ngày 25/10/2022; 1431/QĐ-UBND ngày 27/10/2022; 1612/QĐ-UBND ngày 21/11/2022			Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 sau điều chỉnh			Ghi chú
										Số	TMDT	Tổng số			Trong đó		Tổng số	
							Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB							Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB		
9	Xây dựng thảm nhựa đường tổ 8, Khu phố 1, Thị trấn Tân Khai, tuyến 1	TT Tân Khai	KBNN Hồn Quân		309		1282 ngày 3/10/2022	4.900	2.000	2.000					2.000			UBND TT Tân Khai
10	Nâng cấp đường Bắc Nam 3 (Đoạn từ Đông Tây 7 đến Đông Tây 11)	TT Tân Khai	KBNN Hồn Quân		309			14.900	5.700	4.700			500		5.200			Ban QLDA ĐTXD huyện
11	Nâng cấp đường Đông Tây 1 (Đoạn từ Quốc lộ 13 đến giao đường ĐT 756C)	TT Tân Khai	KBNN Hồn Quân		309			14.500	5.500	4.500			1.000		5.500			Ban QLDA ĐTXD huyện
12	Nâng cấp đường Đông Tây 4 (Đoạn từ Bắc Nam 1 đến đường Bắc Nam 7)	TT Tân Khai	KBNN Hồn Quân		309			14.500	5.700	4.500			1.200		5.700			Ban QLDA ĐTXD huyện
13	Xây dựng mương, kè, cống ngang đường từ ngã 5, xã Tân Hưng đi hướng cầu Đức, xã Phước An	X. Tân Hưng	KBNN Hồn Quân		309			14.000	4.500	4.500					4.500			Ban QLDA ĐTXD huyện
14	Nâng cấp, sửa chữa đường từ ấp Đồng Tân đi ấp Chà Lon, xã Minh Đức	X. Đồng Nơ	KBNN Hồn Quân		309			14.800	4.500	4.500					4.500			Ban QLDA ĐTXD huyện
15	Nâng cấp đường Bắc Nam 1 (Đoạn từ Đông Tây 1 đến trục chính Đông Tây), Bắc Nam 2 (đoạn từ Đông Tây 1 đến Đông Tây 7)	TT Tân Khai	KBNN Hồn Quân		309			14.800	5.100	3.000			2.100		5.100			Ban QLDA ĐTXD huyện
16	Nâng cấp đường Đông Tây 3 (Đoạn từ QL 13 đến đường trục chính Bắc Nam), Đông Tây 4A, Đông Tây 5A, Đông Tây 6, Đông Tây 6A	TT Tân Khai	KBNN Hồn Quân		309			14.900	5.700	4.000			1.700		5.700			Ban QLDA ĐTXD huyện
	QLNN							4.000	4.000	1.500	-	-	-	(1.500)	-	-	-	
1	Đầu tư trang thiết bị các phòng họp trực tuyến và Hội trường UBND huyện	TT Tân Khai	KBNN Hồn Quân		341		1297 ngày 4/10/2022	4.000	4.000	1.500				(1.500)	0			Văn phòng HĐND - UBND
	Văn hóa							8.200	3.000	3.000	-	-			3.000	-	-	
1	Xây dựng cổng hàng rào TTVH huyện	TT Tân Khai	KBNN Hồn Quân		161		1298 ngày 4/10/2022	8.200	3.000	3.000					3.000			Ban QLDA

UBND HUYỆN

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC và HT	QĐ đầu tư dự án		Kế hoạch ĐTC trung hạn 2021 - 2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 đã giao tại QĐ số 999/QĐ-UBND ngày 4/8/2022; 1417/QĐ-UBND ngày 21/10/2022; 1427/QĐ-UBND ngày 25/10/2022; 1431/QĐ-UBND ngày 27/10/2022; 1612/QĐ-UBND ngày 21/11/2022			Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 sau điều chỉnh			Ghi chú
							Số	TMDT		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó		
											Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB	
2.3	Chi đầu tư xây dựng NTM từ nguồn vốn sử dụng đất							88.500	62.368	53.361	-	-			53.361	-	-	
1	Đường nhựa từ ấp 2 xã (dốc Hương Cường) đi Chà Lon - Đồng Nơ	X.Minh Đức	KBNN Hớn Quản	7936805	309	4801 ngày 12/10/2021	10.600	9.500	2.300						2.300			UBND xã Minh Đức
2	Làm mới đường nhựa đường huyện Minh Đức – Đồng Nơ (đoạn từ dốc vào trại heo Hòa Phước), dài 1,5km	X.Minh Đức	KBNN Hớn Quản	7936802	309	4802 ngày 12/10/2021	6.400	5.700	1.200						1.200			UBND xã Minh Đức
3	Nâng cấp đoạn đường ĐH. Minh Đức – Đồng Nơ đoạn từ ngã 3 Bưu Điện đến dốc Hương Cường, dài 1,8km	X.Minh Đức	KBNN Hớn Quản	7935659	309	4803 ngày 12/10/2021	11.000	10.000	6.600						6.600			Ban QLDA
4	Đường nhựa từ ngã 4 ĐH. Minh Đức – Đồng Nơ đi ngã 3 Sóc Ruộng – Sóc Lộc Khê, dài 1,3km	X.Minh Đức	KBNN Hớn Quản	7936803	309	4800 ngày 12/10/2021	5.600	5.000	1.400						1.400			UBND xã Minh Đức
5	Xây dựng đường tổ 11,12 khu vườn ươm ấp Sóc Quả, xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản	X. Tân Hưng	KBNN Hớn Quản	7936251	309	4798 ngày 12/10/2021	8.000	7.200	7.200						7.200			UBND xã Tân Hưng
6	Xây dựng đường An Quý - Xa Cô, xã Thanh An	X. Thanh An	KBNN Hớn Quản	7936852	309	4799 ngày 12/10/2021	10.000	9.000	5.000						5.000			UBND xã Thanh An
7	Xây kè mương tuyến đường nhựa ĐT 756 nối ĐT 758 xã Tân Hưng	X. Tân Hưng	KBNN Hớn Quản	7948888	309	5871 ngày 30/12/2021	2.400	2.200	2.200						2.200			UBND xã Tân Hưng
8	Nâng cấp, sửa chữa đường từ QL13 vào xã Phước An	TT Tân Khai	KBNN Hớn Quản		309	5876 ngày 30/12/2021	23.000			13.125					13.125			Ban QLDA
9	Đầu tư hệ thống đèn tín hiệu giao thông TTHC huyện	TT Tân Khai	KBNN Hớn Quản			989 ngày 3/8/2022	5.800	5.000	5.000						5.000			P. KTHT
10	Xây dựng đường Trường An – Sóc Dây, xã Phước An , huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.	X. Phước An	KBNN Hớn Quản		309	973 ngày 4/8/2022	5.700	4.500	4.500						4.500			UBND xã Phước An
11	Vốn phân cấp xã đầu tư XD NTM								4.268	4.836					4.836			Chi tiết PL03

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC và HT	QĐ đầu tư dự án		Kế hoạch ĐTC trung hạn 2021 - 2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 đã giao tại QĐ số 999/QĐ-UBND ngày 4/8/2022; 1417/QĐ-UBND ngày 21/10/2022; 1427/QĐ-UBND ngày 25/10/2022; 1431/QĐ-UBND ngày 27/10/2022; 1612/QĐ-UBND ngày 21/11/2022			Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 sau điều chỉnh			Ghi chú
							Số	TMDT		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó		
											Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB	
2.4	Vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi - đối ứng ngân sách huyện								22	22	-	-			22	-	-	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt								10	10	-	-			10	-	-	
	Công trình khởi công mới thực hiện theo cơ chế đặc thù phân cấp xã quản lý								10	10	-	-			10	-	-	
	Sửa chữa nhà ở xã Thanh An (3 căn)	X. Thanh An	KBNN Hớn Quản						3	3					3			UBND xã Thanh An
	Sửa chữa nhà ở xã Tân Hưng (3 căn)	X. Tân Hưng	KBNN Hớn Quản						3	3					3			UBND xã Tân Hưng
	Sửa chữa nhà ở xã Phước An (4 căn)	X. Phước An	KBNN Hớn Quản						4	4					4			UBND xã Phước An
2	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch								12	12	-	-			12	-	-	
	Vốn phân cấp xã quản lý								12	12	-	-			12	-	-	
	Xây dựng phát triển thương hiệu sản phẩm Dệt thổ cẩm, đan gùi xã An Khương	X. An Khương	KBNN Hớn Quản						6	6					6			UBND xã An Khương
	Xây dựng phát triển thương hiệu sản phẩm Dệt thổ cẩm xã Thanh An	X. Thanh An	KBNN Hớn Quản						6	6					6			UBND xã Thanh An
2.5	Vốn chuẩn bị đầu tư									1.290					1.290			Chi tiết PL02
2.6	Dự phòng									-					-			
3	Vốn tăng thu, kết dư năm 2021						86.200	49.300		88.797	-	-			88.797	-	-	
3.1	Dự án chuyển tiếp						18.600	14.400		5.350	-	-			5.350	-	-	
	Giáo dục						11.800	9.400		4.350	-	-			4.350	-	-	



STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC và HT	QĐ đầu tư dự án		Kế hoạch ĐTC trung hạn 2021 - 2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 đã giao tại QĐ số 999/QĐ-UBND ngày 4/8/2022; 1417/QĐ-UBND ngày 21/10/2022; 1427/QĐ-UBND ngày 25/10/2022; 1431/QĐ-UBND ngày 27/10/2022; 1612/QĐ-UBND ngày 21/11/2022			Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 sau điều chỉnh			Ghi chú
							Số	TMDT		Tổng số	Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB			Tổng số	Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB	
1	Xây dựng 06 phòng chức năng trường TH&THCS An Phú	TT. Tân Khai	KBNN Hòn Quan	7932246			3330 ngày 31/12/2021	5.000	4.500	3.000					3.000			Ban QLDA
2	Xây dựng 04 phòng học Trường MN Tân Hiệp	X.Tân Hiệp	KBNN Hòn Quan	7914792			3334 ngày 12/7/2021	3.600	2.800	1.000					1.000			Ban QLDA
3	Xây dựng 04 phòng học Trường TH&THCS Thanh Bình	X. Thanh Bình	KBNN Hòn Quan	7905759			3336 ngày 12/7/2021	3.200	2.100	350					350			Ban QLDA
	QLNN							6.800	5.000	1.000	-	-			1.000	-	-	
1	Xây dựng mở rộng Trụ sở bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (bộ phận một cửa)	TT. Tân Khai	KBNN Hòn Quan	7911652			3342 ngày 12/7/2021	6.800	5.000	1.000					1.000			Ban QLDA
3.2	Dự án khởi công mới							67.600	34.900	83.447	-	-			83.447	-	-	-
	Giao thông - HTKT							63.200	31.300	24.212	-	-			24.212	-	-	
1	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang nhân dân KP Tàu Ô thành Nghĩa trang TT Tân Khai (giai đoạn 1)	TT. Tân Khai	KBNN Hòn Quan				996 ngày 4/8/2022	5.400	2.500	2.500					2.500			UBND TT Tân Khai
2	Láng nhựa đường KP 1, KP 2 đoạn từ Ngã tư Quốc tế TT Tân Khai	TT. Tân Khai	KBNN Hòn Quan		309		990 ngày 4/8/2022	13.800	13.800	8.000					8.000			UBND TT Tân Khai
3	Xây Dựng Đường Trục Chính Bắc Nam (Đoạn Từ Đông Tây 7 Đến Đông Tây 10)	TT Tân Khai	KBNN Hòn Quan		309		1296 ngày 4/10/2022	44.000	15.000	13.712					13.712			Ban QLDA
	Quốc phòng							4.400	3.600	3.600	-	-			3.600	-	-	
1	Xây dựng nhà ở DQTT huyện, nhà xe, nhà trực ban nội vụ và tiếp công dân	TT. Tân Khai	KBNN Hòn Quan		341		956 ngày 27/7/2022	4.400	3.600	3.600					3.600			Ban CHQS
	Các công trình khởi công mới phân cấp xã									55.635					55.635			Chi tiết PL04
3.3	Dự phòng									-					-			
4	Vốn ngân sách trung ương, tỉnh bổ sung có mục tiêu							196.100	164.039	92.823	-	-	6.292	-	99.115	-	-	
4.1	Vốn tỉnh hỗ trợ 20 phòng học							133.300	106.800	28.000	-	-			28.000	-	-	
	Giáo dục							133.300	106.800	28.000	-	-			28.000	-	-	



STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC và HT	QĐ đầu tư dự án		Kế hoạch ĐTC trung hạn 2021 - 2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 đã giao tại QĐ số 999/QĐ-UBND ngày 4/8/2022; 1417/QĐ-UBND ngày 21/10/2022; 1427/QĐ-UBND ngày 25/10/2022; 1431/QĐ-UBND ngày 27/10/2022; 1612/QĐ-UBND ngày 21/11/2022			Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 sau điều chỉnh			Ghi chú
							Số	TMDT		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó		
											Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB	
1	Xây dựng 06 phòng hiệu bộ + 02 phòng phục vụ học tập Trường MN Thanh Bình	X.Thanh Bình	KBNN Hồn Quân		071		5752 ngày 24/12/2021	5.700	4.900	2.800					2.800			Ban QLDA (vốn XSKT)
2	Xây dựng 12 phòng học Trường TH Trà Thanh	X.Thanh An	KBNN Hồn Quân		072		5877 ngày 30/12/2021	13.500	8.500	6.500					6.500			Ban QLDA (5 tỷ vốn sử dụng đất; 1,5 tỷ vốn XSKT)
3	Xây dựng 04 phòng học Trường Mầm non Tân Lợi	X. Tân Lợi	KBNN Hồn Quân		071			3.500	3.000	1.000					1.000			Ban QLDA (vốn XSKT)
4	Xây dựng 02 phòng phục vụ học tập Trường MN Tân Hiệp	X. Tân Hiệp	KBNN Hồn Quân		071			1.600	1.400	1.000					1.000			Ban QLDA (vốn XSKT)
5	Xây dựng 05 phòng hiệu bộ Trường THCS Tân Hưng	X. Tân Hưng	KBNN Hồn Quân		073			3.500	3.000	1.000					1.000			Ban QLDA (vốn XSKT)
6	XD 12 phòng học trường TH&THCS Minh Đức	X. Minh Đức	KBNN Hồn Quân	7943230	072		5917 ngày 31/12/2021	13.500	11.000	5.700					5.700			Ban QLDA (vốn XSKT)
7	Xây dựng Trường Mầm non Minh Đức	X. Minh Đức	KBNN Hồn Quân		071		5916 ngày 31/12/2021	22.000	5.000	1.500					1.500			Ban QLDA (vốn XSKT)
8	Xây dựng trường THCS Tân Khai	TT. Tân Khai	KBNN Hồn Quân	7938960	073		5901 ngày 31/12/2021	70.000	70.000	8.500					8.500			Ban QLDA (2 tỷ vốn sử dụng đất; 6,5 tỷ vốn XSKT)
4.2	Vốn Chương trình MTQG XD NTM							62.800	43.623	40.023	-	-			40.023	-	-	
4.2.1	Vốn Chương trình MTQG XD NTM NS tính - xã Minh Đức							22.600	20.200	15.000	-	-			15.000	-	-	
	Công trình khởi công mới không thực hiện cơ chế đặc thù							22.600	20.200	15.000	-	-			15.000	-	-	
1	Đường nhựa từ ấp 2 xã (độc Hương Cường) đi Chà Lon - Đồng Nơ	X.Minh Đức	KBNN Hồn Quân	7936805	309		4801 ngày 12/10/2021	10.600	9.500	7.200					7.200			UBND xã Minh Đức

BÌNH PHƯỚC

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC và HT	QĐ đầu tư dự án		Kế hoạch ĐTC trung hạn 2021 - 2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 đã giao tại QĐ số 999/QĐ-UBND ngày 4/8/2022; 1417/QĐ-UBND ngày 21/10/2022; 1427/QĐ-UBND ngày 25/10/2022; 1431/QĐ-UBND ngày 27/10/2022; 1612/QĐ-UBND ngày 21/11/2022			Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 sau điều chỉnh			Ghi chú
							Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB		Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB							
2	Làm mới đường nhựa đường huyện Minh Đức – Đồng Nơ (đoạn từ dốc vào trại heo Hòa Phước), dài 1,5km	X.Minh Đức	KBNN Hôn Quân	7936802	309	4802 ngày 12/10/2021	6.400	5.700	4.500						4.500			UBND xã Minh Đức
3	Đường nhựa từ ngã 4 DH. Minh Đức – Đồng Nơ đi ngã 3 Sóc Ruộng – Sóc Lộc Khê, dài 1,3km	X.Minh Đức	KBNN Hôn Quân	7936803	309	4800 ngày 12/10/2021	5.600	5.000	3.300						3.300			UBND xã Minh Đức
4.2.2	Vốn Chương trình MTQG XD NTM nâng cao NS tỉnh - xã Đồng Nơ						14.000	6.800	9.000	-	-				9.000	-	-	
	Công trình khởi công mới không thực hiện cơ chế đặc thù						9.800	6.800	4.800	-	-				4.800	-	-	
1	Xây Dựng Đường Vào Suối Ba Tòng, Xã Đồng Nơ (kết nối xã Minh Hưng)	X.Đồng Nơ	KBNN Hôn Quân		309	1293 ngày 4/10/2022	5.000	2.000	1.300						1.300			UBND xã Đồng Nơ
2	XD đường nhựa từ trung tâm xã đi ấp 4	X.Đồng Nơ	KBNN Hôn Quân		309	972 ngày 2/8/2022	4.800	4.800	3.500						3.500			UBND xã Đồng Nơ
	Công trình khởi công mới thực hiện theo cơ chế đặc thù phân cấp xã quản lý						4.200	-	4.200	-	-				4.200	-	-	
1	Xây dựng cống hộp kết nối ấp 4 với ấp 5 xã Đồng Nơ	X.Đồng Nơ	KBNN Hôn Quân				800		800						800			UBND xã Đồng Nơ
2	Xây dựng mương, kè đá hộc đường tổ 5 ấp Đồng Tân	X.Đồng Nơ	KBNN Hôn Quân				600		600						600			UBND xã Đồng Nơ
3	Xây dựng mương kè đá hộc đường ấp 1,2,3	X.Đồng Nơ	KBNN Hôn Quân				900		900						900			UBND xã Đồng Nơ
4	Xây dựng lan can cống ấp 4	X.Đồng Nơ	KBNN Hôn Quân				100		100						100			UBND xã Đồng Nơ
5	XD mương kè đá hộc, cống các đường ấp 4, ấp 5, ấp Đồng Tân	X.Đồng Nơ	KBNN Hôn Quân				450		450						450			UBND xã Đồng Nơ
6	Sửa chữa hội trường trung tâm HTCD	X.Đồng Nơ	KBNN Hôn Quân				250		250						250			UBND xã Đồng Nơ

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC và HT	QĐ đầu tư dự án		Kế hoạch ĐTC trung hạn 2021 - 2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 đã giao tại QĐ số 999/QĐ-UBND ngày 4/8/2022; 1417/QĐ-UBND ngày 21/10/2022; 1427/QĐ-UBND ngày 25/10/2022; 1431/QĐ-UBND ngày 27/10/2022; 1612/QĐ-UBND ngày 21/11/2022			Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 sau điều chỉnh			Ghi chú
							Số	TMDT		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó		
											Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB	
7	Xây dựng công. hàng rào nhà văn hoá ấp 2	X.Đồng Nơ	KBNN Hòn Quán					150		150					150			UBND xã Đồng Nơ
8	Thay tôn, la phông, gạch bông, làm máy hiện nhà văn hoá ấp 1	X.Đồng Nơ	KBNN Hòn Quán					300		300					300			UBND xã Đồng Nơ
9	Sửa chữa, nâng cấp công. khuôn viên UBND xã	X.Đồng Nơ	KBNN Hòn Quán					350		350					350			UBND xã Đồng Nơ
10	XD nhà để xe của UBND xã	X.Đồng Nơ	KBNN Hòn Quán					300		300					300			UBND xã Đồng Nơ
4.2.3	Vốn Chương trình MTQG XD NTM - NSTW							26.200	16.623	16.023	-	-			16.023	-	-	
*	Công trình khởi công mới không thực hiện cơ chế đặc thù phân cấp xã quản lý							6.200	5.500	4.900	-	-			4.900	-	-	
1	Nâng cấp, sửa chữa hội trường và mua sắm trang thiết bị xã Minh Tâm	X.Minh Tâm	KBNN Hòn Quán		341			1.200	1.200	1.200					1.200			UBND xã Minh Tâm
2	Sửa chữa trạm y tế xã Minh Đức	X.Minh Đức	KBNN Hòn Quán		139			100	100	100					100			UBND xã Minh Đức
3	Hàng rào TTVH xã Minh Tâm	X.Minh Tâm	KBNN Hòn Quán		161			1.000	600	-					-			UBND xã Minh Tâm
4	Xây dựng hàng rào nhà văn hóa sóc 6, sân BTXM nhà văn hóa ấp 3, công nhà văn hóa ấp 1, xã Minh Tâm	X.Minh Tâm	KBNN Hòn Quán		161			400	370	370					370			UBND xã Minh Tâm
5	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa sóc 5 xã Minh Tâm	X.Minh Tâm	KBNN Hòn Quán		161			300	230	230					230			UBND xã Minh Tâm
6	Nâng cấp, sửa chữa khăn cấp công ngang đường tổ 13, ấp 1A, xã Minh Đức	X.Minh Đức	KBNN Hòn Quán		309			1.100	1.000	1.000					1.000			UBND xã Minh Đức
7	Cải tạo khuôn viên trước nhà bia ghi danh Liệt sỹ	X.Minh Đức	KBNN Hòn Quán		309			2.100	2.000	2.000					2.000			UBND xã Minh Đức
**	Công trình khởi công mới không thực hiện cơ chế đặc thù							20.000	11.123	11.123	-	-			11.123	-	-	



STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC và HT	QĐ đầu tư dự án		Kế hoạch ĐTC trung hạn 2021 - 2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 đã giao tại QĐ số 999/QĐ-UBND ngày 4/8/2022; 1417/QĐ-UBND ngày 21/10/2022; 1427/QĐ-UBND ngày 25/10/2022; 1431/QĐ-UBND ngày 27/10/2022; 1612/QĐ-UBND ngày 21/11/2022			Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 sau điều chỉnh			Ghi chú
															Số	TMDT	Tổng số	
							Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB		Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB							
1	Xây Dựng Đường Ấp 2 -Sóc Vãng, Xã Minh Tâm Nối Ấp Sóc Rul, Xã An Phú	X.Minh Tâm	KBNN Hòn Quán		309		1285 ngày 3/10/2022	9.000	3.119	3.119					3.119			UBND xã Minh Tâm
2	Xây dựng mương thoát nước bên trái đường nhựa trước UBND xã An Phú	X. An Phú	KBNN Hòn Quán		309		1295 ngày 4/10/2022	3.200	3.200	3.200					3.200			UBND xã An Phú
3	Nâng cấp, mở rộng đường và xây mương đường vào Trường MN, THCS, trạm y tế xã An Phú	X. An Phú	KBNN Hòn Quán		309		1294 ngày 4/10/2022	1.800	1.719	1.719					1.719			UBND xã An Phú
4	Xây dựng đường từ Trường THCS Minh Đức đến nông trường cao su Bình Minh	X. Minh Đức	KBNN Hòn Quán		309		1274 ngày 30/9/2022	6.000	3.085	3.085					3.085			UBND xã Minh Đức
4.3	Vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi								13.616	460	-	-	6.292	-	6.752	-	-	
4.3.1	Vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi - NSTW								6.996	418	-	-	5.720	-	6.138	-	-	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt								6.778	200	-	-	5.720	-	5.920	-	-	
	Nội dung 2: Hỗ trợ nhà ở								798	200	-	-	520	-	720	-	-	
	Công trình khởi công mới phân cấp xã quản lý								798	200	-	-	520	-	720	-	-	
	Sửa chữa nhà ở xã Thanh An (3 căn)	X. Thanh An	KBNN Hòn Quán						60	60					60			UBND xã Thanh An
	Sửa chữa nhà ở xã Tân Hưng (3 căn)	X. Tân Hưng	KBNN Hòn Quán						60	60					60			UBND xã Tân Hưng
	Sửa chữa nhà ở xã Phước An (4 căn)	X. Phước An	KBNN Hòn Quán						80	80					80			UBND xã Phước An
	Xây mới nhà ở xã An Khương (06 căn)	X. An Khương	KBNN Hòn Quán						276				240		240			UBND xã An Khương

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC và HT	QĐ đầu tư dự án		Kế hoạch ĐTC trung hạn 2021 - 2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 đã giao tại QĐ số 999/QĐ-UBND ngày 4/8/2022; 1417/QĐ-UBND ngày 21/10/2022; 1427/QĐ-UBND ngày 25/10/2022; 1431/QĐ-UBND ngày 27/10/2022; 1612/QĐ-UBND ngày 21/11/2022			Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 sau điều chỉnh			Ghi chú
							Số	TMDT		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó		
											Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB	
	Xây mới nhà ở xã Tân Hưng (02 căn)	X. Tân Hưng	KBNN Hớn Quán						92				80		80			UBND xã Tân Hưng
	Sửa chữa nhà ở xã Minh Đức (01 căn)	X. Minh Đức	KBNN Hớn Quán						23				20		20			UBND xã Minh Đức
	Sửa chữa nhà ở xã Tân Hiệp (02 căn)	X. Tân Hiệp	KBNN Hớn Quán						46				40		40			UBND xã Tân Hiệp
	Sửa chữa nhà ở xã Thanh An (03 căn)	X. Thanh An	KBNN Hớn Quán						69				60		60			UBND xã Thanh An
	Sửa chữa nhà ở xã An Khương (04 căn)	X. An Khương	KBNN Hớn Quán						92				80		80			UBND xã An Khương
**	Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt								5.980	-	-	-	5.200	-	5.200	-	-	
	Công trình khởi công mới phân cấp xã quản lý								5.980	-	-	-	5.200	-	5.200	-	-	
	Xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung ấp Phum Lu - Tư Luy xã Thanh An	X. Thanh An	KBNN Hớn Quán						2.990				2.600		2.600			UBND xã Thanh An
	Xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung ấp Địa hạt - Sóc Dầm xã Thanh An	X. Thanh An	KBNN Hớn Quán						2.990				2.600		2.600			UBND xã Thanh An
2	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch								218	218	-	-			218	-	-	
	Vốn phân cấp xã quản lý								218	218	-	-			218	-	-	
	Xây dựng phát triển thương hiệu sản phẩm Dệt thổ cẩm, đan gùi xã An Khương	X. An Khương	KBNN Hớn Quán						109	109					109			UBND xã An Khương
	Xây dựng phát triển thương hiệu sản phẩm Dệt thổ cẩm xã Thanh An	X. Thanh An	KBNN Hớn Quán						109	109					109			UBND xã Thanh An



STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC và HT	QĐ đầu tư dự án		Kế hoạch DTC trung hạn 2021 - 2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 đã giao tại QĐ số 999/QĐ-UBND ngày 4/8/2022; 1417/QĐ-UBND ngày 21/10/2022; 1427/QĐ-UBND ngày 25/10/2022; 1431/QĐ-UBND ngày 27/10/2022; 1612/QĐ-UBND ngày 21/11/2022			Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 sau điều chỉnh			Ghi chú
							Số	TMDT		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó		
											Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB	
4.3.2	Vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi - NS tỉnh								6.620	42	-	-	572	-	614	-	-	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt								6.598	20	-	-	572	-	592	-	-	
	Nội dung 2: Hỗ trợ nhà ở								618	20	-	-	52	-	72	-	-	
	Công trình khởi công mới phân cấp xã quản lý								618	20	-	-	52	-	72	-	-	
	Sửa chữa nhà ở xã Thanh An (3 căn)	X. Thanh An	KBNN Hồn Quán						6	6					6			UBND xã Thanh An
	Sửa chữa nhà ở xã Tân Hưng (3 căn)	X. Tân Hưng	KBNN Hồn Quán						6	6					6			UBND xã Tân Hưng
	Sửa chữa nhà ở xã Phước An (4 căn)	X. Phước An	KBNN Hồn Quán						8	8					8			UBND xã Phước An
	Xây mới nhà ở xã An Khương (06 căn)	X. An Khương	KBNN Hồn Quán						276				24		24			UBND xã An Khương
	Xây mới nhà ở xã Tân Hưng (02 căn)	X. Tân Hưng	KBNN Hồn Quán						92				8		8			UBND xã Tân Hưng
	Sửa chữa nhà ở xã Minh Đức (01 căn)	X. Minh Đức	KBNN Hồn Quán						23				2		2			UBND xã Minh Đức
	Sửa chữa nhà ở xã Tân Hiệp (02 căn)	X. Tân Hiệp	KBNN Hồn Quán						46				4		4			UBND xã Tân Hiệp
	Sửa chữa nhà ở xã Thanh An (03 căn)	X. Thanh An	KBNN Hồn Quán						69				6		6			UBND xã Thanh An
	Sửa chữa nhà ở xã An Khương (04 căn)	X. An Khương	KBNN Hồn Quán						92				8		8			UBND xã An Khương
**	Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt								5.980	-	-	-	520	-	520	-	-	
	Công trình khởi công mới phân cấp xã quản lý							-	5.980	-	-	-	520	-	520	-	-	
	Xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung ấp Phum Lu - Tư Luy xã Thanh An	X. Thanh An	KBNN Hồn Quán						2.990				260		260			UBND xã Thanh An



STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mới tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC và HT	QĐ đầu tư dự án		Kế hoạch ĐTC trung hạn 2021 - 2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 đã giao tại QĐ số 999/QĐ-UBND ngày 4/8/2022; 1417/QĐ-UBND ngày 21/10/2022; 1427/QĐ-UBND ngày 25/10/2022; 1431/QĐ-UBND ngày 27/10/2022; 1612/QĐ-UBND ngày 21/11/2022			Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 sau điều chỉnh			Ghi chú
							Số	TMDT		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó		
											Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB	
	Xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung ấp Địa hạt - Sóc Dầm xã Thanh An	X. Thanh An	KBNN Hòn Quàn						2.990				260		260			UBND xã Thanh An
2	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch								22	22	-	-			22	-	-	
	Vốn phân cấp xã quản lý								22	22	-	-			22	-	-	
	Xây dựng phát triển thương hiệu sản phẩm Dệt thổ cẩm, đan gùi xã An Khương	X. An Khương	KBNN Hòn Quàn						11	11					11			UBND xã An Khương
	Xây dựng phát triển thương hiệu sản phẩm Dệt thổ cẩm xã Thanh An	X. Thanh An	KBNN Hòn Quàn						11	11					11			UBND xã Thanh An
4.4	Vốn hỗ trợ đường GTNT									24.340					24.340			Chi tiết PLUS

CHỖ TIẾT
PL 15



DANH MỤC VỐN TẮT TOÁN CÔNG TRÌNH ĐÃ QUYẾT TOÁN

(Kèm theo Tờ trình số 21/TTTr-UBND ngày 08/12/2022 của UBND huyện)

Đvt: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Kế hoạch vốn năm 2022 đã giao tại QĐ số 999/QĐ-UBND ngày 4/8/2022; QĐ 1612/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2022	Tăng (+)/ giảm (-)	Chủ đầu tư	Ghi chú
	Tổng số		9.721	9.721	-	-	
I	Vốn tắt toán các công trình đã quyết toán từ nguồn vốn phân cấp		1.970	1.970	-		
1	Đường liên xã từ ấp Sóc Dầy xã Phước An đi cầu Xe Be thị trấn Tân Khai	01 ngày 5/2/2021	416	416	-	UBND xã Phước An	Vốn phân cấp xã
2	Láng nhựa đường Sen Trắng, Khu phố 7, Thị trấn Tân Khai	59 ngày 30/6/2022	371	371	-	UBND TT Tân Khai	
3	Đường nhựa từ ấp Ruộng 1 đi Tân Quan	5136 ngày 9/11/2021	54	54	-	UBND xã Tân Quan	
4	Đường nhựa từ ấp Ruộng 2 đi Xa Lách	5133 ngày 9/11/2021	42	42	-	UBND xã Tân Quan	
5	Xây dựng Trường THCS Tân Hiệp	5134 ngày 9/11/2021	196	196	-	Ban QLDA ĐTXD huyện	
6	Xây dựng Khối hiệu bộ Trường THCS Minh Đức, xã Minh Đức	5137 ngày 9/11/2021	41	41	-	Ban QLDA ĐTXD huyện	
7	Xây dựng nhà văn hóa ấp 4 xã Tân Quan	5089 ngày 5/11/2021	46	46	-	UBND xã Tân Quan	
8	Xây dựng hàng rào, sân Trung tâm văn hóa xã Tân Quan	5091 ngày 5/11/2021	8	8	-	UBND xã Tân Quan	
9	Xây dựng nhà văn hóa ấp Ruộng 1 xã Tân Quan	5090 ngày 5/11/2021	46	46	-	UBND xã Tân Quan	
10	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đường Đồng Tây 4	349 ngày 9/2/2018	31	31	-	Ban QLDA ĐTXD huyện	
11	Xây dựng đường Đồng Tây xã Tân Khai	3399 ngày 27/12/2018	23	23	-	Ban QLDA ĐTXD huyện	
12	Đường từ QL13 đi bệnh viện đa khoa huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước dài 1.141m	5893 ngày 31/12/2021	143	143	-	Ban QLDA ĐTXD huyện	
13	Hệ thống điện chiếu sáng vào Trung tâm y tế huyện Hớn Quản (đoạn từ QL13 đến Trung tâm y tế huyện)	5895 ngày 31/12/2021	250	250	-	Ban QLDA ĐTXD huyện	
14	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Phước An, xã Phước An	5896 ngày 31/12/2021	289	289	-	Ban QLDA ĐTXD huyện	
15	Nâng cấp đường sỏi đỏ Xa Trạch Sóc, xã Phước An, huyện Hớn Quản	5898 ngày 31/12/2021	14	14	-	Ban QLDA ĐTXD huyện	
II	Vốn tắt toán các công trình đã quyết toán từ nguồn vốn sử dụng đất		7.751	7.751	-		
17	Xây dựng nhà vệ sinh xã Phước An, huyện Hớn Quản	152 ngày 31/12/2020	33	33	-	UBND xã Phước An	Vốn phân cấp xã
18	Nâng cấp nhà làm việc công an xã Phước An, huyện Hớn Quản	151 ngày 31/12/2020	8	8	-	UBND xã Phước An	
19	Xây dựng mương thoát nước ấp Trường Thịnh, xã Phước An	150 ngày 31/12/2020	112	112	-	UBND xã Phước An	
20	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa ấp 1,2,4,5 xã An Khương	11 ngày 31/01/2022	33	33	-	UBND xã An Khương	
21	Nâng cấp sửa chữa mương thoát nước tổ 4 ấp 3 xã An Khương	10 ngày 31/01/2022	129	129	-	UBND xã An Khương	
22	Láng nhựa đường Sen Trắng, Khu phố 7, Thị trấn Tân Khai	59 ngày 30/6/2022	977	977	-	UBND TT Tân Khai	
23	Xây dựng nhà văn hóa khu phố 3, thị trấn Tân Khai	60 ngày 30/6/2022	79	79	-	UBND TT Tân Khai	
24	Láng nhựa đường tổ 5, khu phố 6, thị trấn Tân Khai	62 ngày 30/6/2022	676	676	-	UBND TT Tân Khai	
25	Láng nhựa đường trục chính khu phố Tàu Ô, thị trấn Tân Khai	61 ngày 30/6/2022	1.864	1.864	-	UBND TT Tân Khai	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Kế hoạch vốn năm 2022 đã giao tại QĐ số 999/QĐ-UBND ngày 4/8/2022; QĐ 1612/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2022	Tăng (+)/ giảm (-)	Chủ đầu tư	Ghi chú
26	Xây dựng mở rộng sân, hàng rào lưới B40 nhà văn hóa ấp 1, ấp 2 + mua sắm thiết chế văn hóa các nhà văn hóa trên địa bàn xã Minh Tâm	45 ngày 14/2/2022	124	124	-	UBND xã Minh Tâm	Vốn phân cấp xã
27	Sửa chữa 05 phòng học và xây mới nhà vệ sinh giáo viên trường TH&THCS Minh Tâm	49 ngày 14/2/2022	49	49	-	UBND xã Minh Tâm	
28	Xây dựng hàng rào diêm lể trường tiểu học Minh Tâm	50 ngày 14/2/2022	49	49	-	UBND xã Minh Tâm	
29	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa các ấp trên địa bàn xã Minh Tâm (nhà văn hóa ấp 1.2, sóc 5, sóc 6, sóc vàng)	48 ngày 14/2/2022	132	132	-	UBND xã Minh Tâm	
30	Xây dựng nhà văn hóa ấp 3 xã Minh Tâm	46 ngày 14/2/2022	47	47	-	UBND xã Minh Tâm	
31	Xây dựng nhà văn hóa ấp 4 xã Minh Tâm	47 ngày 14/2/2022	48	48	-	UBND xã Minh Tâm	
32	Sửa chữa đường nhựa từ ngã tư ấp Xạc Lây xuống trường tiểu học Tân Quan dài 320m	170 ngày 1/5/2022	197	197	-	UBND xã Tân Quan	
33	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa các ấp trên địa bàn xã An Phú (nhà văn hóa ấp Tăng Hách, Phò Lồ, Sóc Rul, An Tân)	249 ngày 28/9/2022	192	192	-	UBND xã An Phú	
34	Xây dựng nhà văn hóa ấp Bình Phú, xã An Phú	248 ngày 28/9/2022	23	23	-	UBND xã An Phú	
35	Xây dựng hàng rào, sân BTXM, nhà vệ sinh, nhà văn hóa ấp Sóc Lết	212 ngày 4/4/2022	66	66	-	UBND xã Tân Lợi	
36	Xây dựng trụ sở làm việc Huyện ủy	1893 ngày 20/7/2017	532	532	-	Ban QLDA ĐTXD huyện	
37	Đường nhựa từ ấp 23 Nhỏ đi ấp Trường An, xã Phước An, huyện Hớn Quản		35	35	-	UBND xã Phước An	
38	Đường nhựa từ ấp Xa Trạch 2 đi ấp Tranh 1, xã Phước An, huyện Hớn Quản		205	205	-	UBND xã Phước An	
39	Láng nhựa đường từ trục chính KP6 thị trấn Tân Khai đến ranh ấp 1 xã Đồng Nơ	1166 ngày 7/9/2022	402	402	-	UBND TT Tân Khai	
40	Vốn tất toán các công trình đã quyết toán		-	-	-		
41	Xây dựng Khố hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Tân Quan		120	120	-	Ban QLDA ĐTXD huyện	
42	Xây dựng Trường MN Tân Quan	1582 ngày 15/11/2022	738	738	-	Ban QLDA ĐTXD huyện	
43	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm văn hóa xã Phước An	1408 ngày 21/10/2022	32	32	-	UBND xã Phước An	
44	Láng nhựa đường từ QL13 thị trấn Tân Khai đến cầu Xe Be ranh xã Phước An	1404 ngày 21/10/2022	443	443	-	UBND TT Tân Khai	
45	Xây dựng đường nhựa ấp 9 xã Tân Hiệp		14	14	-	UBND xã Tân Hiệp	
46	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông từ ngã tư quận 1 đến trung tâm bảo trợ Tân Hiệp		13	13	-	UBND xã Tân Hiệp	
47	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông từ ngã ba chợ xã đến ngã tư quận 1		78	78	-	UBND xã Tân Hiệp	
48	Xây dựng sân bê tông, mương thoát nước nội bộ Ban CHQS huyện	617 ngày 9/4/2019	115	115	-	Ban CHQS huyện	
49	Xây dựng nhà làm việc khối đoàn thể huyện		2	2	-	Ban QLDA ĐTXD huyện	
50	Trồng cây xanh các tuyến đường giao thông thuộc TTHC huyện		49	49	-	Ban QLDA ĐTXD huyện	
51	Xây dựng Trường Mầm non Tân Khai B		60	60	-	Ban QLDA ĐTXD huyện	
52	Xây dựng mở rộng Trụ sở bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (bộ phận một cửa)		75	75	-	Ban QLDA ĐTXD huyện	



DANH MỤC VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số 24/TTr-UBND ngày 08/12/2022 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	TMDT	Kế hoạch vốn năm 2022 đã giao tại QĐ số 999/QĐ-UBND ngày 4/8/2022; QĐ số 1612/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2022	Tăng (+)/giảm (-)	Chủ đầu tư	Ghi chú
	Tổng số	71.000	2.550	2.050	(500)	-	
1	Nâng cấp đường từ ĐT 756 – Thuận An – Sóc Dầm – Địa Hạt, xã Thanh An	18.000	200	200	0	Ban QLDA ĐTXD huyện	Vốn cân đối theo phân cấp
2	Xây dựng hệ thống điện KDC ấp 2 xã Đồng Nơ	11.000	160	160	0	Ban QLDA ĐTXD huyện	
3	Nâng cấp đường ĐT 757 – Thanh Sơn, xã Thanh An	8.000	100	100	0	Ban QLDA ĐTXD huyện	
5	Xây dựng đường Đông Tây 12	30.000	300	300	0	Ban QLDA ĐTXD huyện	
6	Đầu tư trang thiết bị các phòng họp trực tuyến và Hội trường UBND huyện	4.000	500	-	(500)	Văn phòng HĐND - UBND huyện	
7	XD Trường Tiểu học Đồng Nơ (giai đoạn 2)		690	690	0	Ban QLDA ĐTXD huyện	Vốn sử dụng đất
8	XD đường Đông Tây 5 TTHC huyện		600	600	0	Ban QLDA ĐTXD huyện	

VỐN PHÂN CẤP XÃ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022
(Kèm theo Tờ Trình số 211 /TTr-UBND ngày 08/12/2022 của UBND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục công trình	Kế hoạch vốn năm 2022 đã giao tại QĐ số 999/QĐ-UBND ngày 4/8/2022; QĐ số 1612/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2022	Tăng (+)/giảm (-)
1	2	3	4	5
A	Tổng cộng	4.836	4.836	0
I	Công trình khởi công mới thực hiện theo cơ chế đặc thù	4.836	4.836	0
1	UBND xã Minh Đức	4.836	4.836	0
*	Cơ chế 80%NS	2.734	2.734	-
	Đường BTXM ấp 1B dài 600m, rộng 4m	115	115	0
	Đường BTXM ấp 2 dài 200m, rộng 5m, dày 16cm	200	200	0
	Đường BTXM tổ 6 ấp 1A dài 300m, rộng 4m	228	228	0
	Đường BTXM tổ 4 ấp 2 dài 445m, rộng 4m	337	337	0
	Đường BTXM ấp Đồng Dầu dài 1000m, rộng 4m	758	758	0
	Đường BTXM ấp 2 dài 570m, rộng 5m, dày 16cm	568	568	0
	Đường BTXM ấp Đồng Dầu dài 810m, rộng 4m	340	340	0
	Đường BTXM ấp 2 dài 310m, rộng 4m	188	188	0
**	Cơ chế 100% NS	2.102	2.102	-
	Đường BTXM vào khu dân cư Sóc Ruộng, dài 800m, rộng 5m, dày 16cm	998	998	0
	Đường BTXM trung tâm khu dân cư Sóc Ruộng dài 800m, rộng 5, dày 16cm	998	998	0
	Cống tròn Ø 100, dài 7m tại Khu dân cư Sóc Ruộng	106	106	0



**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI PHÂN CẤP XÃ
- VỐN TÀNG THU KẾT DƯ**

(Kèm theo tờ trình số 211 /TTr-UBND ngày 08/12 /2022 của UBND huyện)

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục công trình	Kế hoạch vốn năm 2022 đã giao tại QĐ số 999/QĐ-UBND ngày 4/8/2022; QĐ số 1612/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2022	Tăng (+)/giảm (-)
1	2	4	4	5
	Tổng cộng	55.635	55.635	-
A	Công trình chuyển tiếp	2.303	2.303	-
I	UBND xã Phước An	187	187	-
1	XD đường bê tông xi măng tổ 4 ấp Xa Trạch 2, xã Phước An, huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước (dài 0,7km), rộng 3m.	156	156	-
2	XD đường bê tông xi măng tổ 2 ấp Xa Trạch 2, xã Phước An, huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước (dài 0,2km), rộng 3m.	26	26	-
3	Xây dựng hàng rào và nâng cấp, sửa chữa bộ phận tiếp nhận, trả kết quả xã Phước An.	5	5	-
II	UBND thị trấn Tân Khai	220	220	-
1	Đường tổ 6 khu phố 6, dài 600m, rộng 4m, thị trấn Tân Khai	220	220	-
III	UBND xã Minh Tâm	293	293	-
13	Đường sóc 6 dài 720m, rộng 4m	136	136	-
14	Xây dựng nhà văn hóa ấp 3	34	34	-
15	Xây dựng nhà văn hóa ấp 4	24	24	-
16	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa các ấp trên địa bàn xã Minh Tâm (nhà văn hóa ấp 1,2, sóc 5, sóc 6, sóc vàng)	99	99	-
IV	UBND xã An Phú	355	355	-
1	Nâng cấp, sửa chữa hội trường UBND xã An Phú.	308	308	-
2	Xây dựng hàng rào lưới B40 và cổng nhà văn hóa + mua sắm thiết chế các nhà văn hóa trên địa bàn xã An Phú, huyện Hón Quản	47	47	-
V	UBND xã Tân Hưng	681	681	-
1	Đường nối Sóc Xoài Nhỏ và Sóc Xoài Lớn, dài 900m, rộng 4m	227	227	-
2	Đường dẫn vào trung tâm Sóc Xoài Nhỏ, dài 900m, rộng 4m	227	227	-
3	Đường trung tâm Sóc Xoài Nhỏ, dài 900m, rộng 4m	227	227	-
VI	UBND xã Tân Lợi	67	67	-
1	Xây dựng đường BTXM nội bộ nghĩa trang, xã Tân Lợi, huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước	67	67	-
VII	UBND xã An Khương	500	500	-
2	Nâng cấp, sửa chữa khẩn cấp cống ngang đường đường liên xã An Khương - Thanh An	300	300	-
3	Sơn sửa khối đoàn thể, nhà làm việc công an, ban chỉ huy quân sự xã	200	200	-
B	Công trình khởi công mới thực hiện cơ chế đặc thù	21.485	21.485	-
I	UBND Xã Minh Đức	2.417	2.417	-
*	Ngân sách hỗ trợ 80% dự toán (Áp dụng Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh)	2.417	2.417	-
1	Đường BTXM ấp 2 dài 310m, rộng 4m	47	47	-
2	Đường BTXM ấp 2 dài 250m, rộng 3m	143	143	-
3	Đường BTXM tổ 4 ấp Đồng Dầu dài 850m, rộng 4m	466	466	-
4	Đường BTXM tổ 5 ấp Đồng Dầu nối dài dài 850m, rộng 4m	645	645	-

STT	Danh mục công trình	Kế hoạch vốn năm 2022 đã giao tại QĐ số 999/QĐ-UBND ngày 4/8/2022; QĐ số 1612/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2022	Tăng (+)/giảm (-)
5	Xây mương đá hộp áp Sóc Ruộng, kích thước 1200x1200, dài 70m	170	170	-
6	Đường BTXM áp Đồng Dầu dài 810m, rộng 4m	274	274	-
7	Đường BTXM áp 2 dài 280m, rộng 4m	212	212	-
8	Đường BTXM áp 1A dài 70m, rộng 3m	50	50	-
9	Đường BTXM áp Chà Lon dài 850m, rộng 4m	410	410	-
II	UBND Xã Minh Tâm	2.147	2.147	-
*	Ngân sách hỗ trợ 275 triệu/01km đối với đường 3m; hỗ trợ 366 triệu/km đối với đường 4m; hỗ trợ 185 triệu đối với đường mở rộng từ 3m lên 5m; hỗ trợ 458 đối với đường nâng cấp từ 3m lên 5m	2.147	2.147	-
1	Đường BTXM áp 4 dài 1.200m, rộng 4m	439	439	-
2	Đường BTXM áp 4 dài 1.600m, rộng 4m	586	586	-
3	Đường BTXM áp 4 dài 100m, rộng 4m	37	37	-
4	Đường BTXM áp 1 dài 395m, rộng 4m	145	145	-
5	Đường BTXM áp 4 dài 520m, rộng 3m	143	143	-
6	Đường BTXM áp 4 dài 200m, rộng 3m	55	55	-
7	Đường BTXM áp 3 dài 385m, rộng 4m	141	141	-
8	Đường BTXM áp 4 dài 100m, rộng 3m	28	28	-
9	Đường BTXM áp 3 dài 255m, rộng 3m	70	70	-
10	Đường BTXM áp 3 dài 85m, rộng 3m	23	23	-
11	Đường BTXM áp 3 dài 200m, rộng 3m	55	55	-
12	Đường BTXM áp 3 dài 125m, rộng 3m	34	34	-
13	Đường BTXM áp 3 dài 480m, rộng 3m	132	132	-
14	Đường BTXM áp 2 dài 100m, rộng 3m	28	28	-
15	Đường BTXM Sóc 6 dài 300m, rộng 3m	83	83	-
16	Đường BTXM tổ 1 áp 4 mở rộng từ 3m lên 5m dài 800m	148	148	-
III	UBND Xã Phước An	1.394	1.394	-
*	Ngân sách hỗ trợ 80% dự toán (Áp dụng Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh)	1.394	1.394	-
1	Đường BTXM tổ 3 áp Sóc Dày dài 750m, rộng 4m	417	417	-
2	Đường BTXM tổ 2 áp Sóc Tranh dài 100m, rộng 3m	57	57	-
3	Đường BTXM tổ 2 áp 23 Lớn dài 110m, rộng 3m	63	63	-
4	Đường BTXM tổ 2 áp Văn Hiến 2 dài 430m, rộng 3m	245	245	-
5	Đường BTXM tổ 4 áp Tổng Cui Nhỏ dài 140m, rộng 3m	80	80	-
6	Đường BTXM áp Trường An dài 370m, rộng 3m	210	210	-
7	Đường BTXM tổ 1 áp Văn Hiến 1 dài 100m, rộng 3m	57	57	-
8	Đường BTXM áp Tổng Cui Lớn mở rộng từ 3m lên 4m dài 1.400m	265	265	-
IV	UBND Xã Thanh Bình	764	764	-
*	Ngân sách hỗ trợ 100% dự toán (Áp dụng Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh)	764	764	-
1	Đường BTXM áp Đông Phất nâng cấp từ 3m lên 5m dài 1.000m	691	691	-
2	Đường BTXM áp Đông Phất nâng cấp từ 3m lên 4m dài 100m	73	73	-
V	UBND Xã Tân Hiệp	1.348	1.348	-
*	Ngân sách hỗ trợ 275 triệu/01km đối với đường 3m; hỗ trợ 366 triệu/km đối với đường 4m; hỗ trợ 185 triệu đối với đường mở rộng từ 3m lên 5m; hỗ trợ 458 đối với đường nâng cấp từ 3m lên 5m	1.348	1.348	-
1	Đường BTXM tổ 1 áp Tân Lập dài 810m, rộng 4m	159	159	-
2	Đường BTXM tổ 8 áp 6 dài 1.000m, rộng 4m	366	366	-
3	Đường BTXM tổ 1 áp Tân Lập dài 950m, rộng 4m	348	348	-
4	Đường BTXM tổ 2 áp Bàu Lùng dài 800m, rộng 4m	293	293	-
5	Đường BTXM tổ 8 áp Bàu Lùng dài 660m, rộng 3m	182	182	-

STT	Danh mục công trình	Kế hoạch vốn năm 2022 đã giao tại QĐ số 999/QĐ-UBND ngày 4/8/2022; QĐ số 1612/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2022	Tăng (+)/giảm (-)
VI	UBND Xã Tân Lợi	992	992	-
*	Ngân sách hỗ trợ 275 triệu/01km đối với đường 3m; hỗ trợ 366 triệu/km đối với đường 4m; hỗ trợ 185 triệu đối với đường mở rộng từ 3m lên 5m; hỗ trợ 458 đối với đường nâng cấp từ 3m lên 5m	992	992	-
1	Đường BTXM tổ 6 ấp Quán Lợi A dài 250m, rộng 4m	92	92	-
2	Đường BTXM tổ 2 ấp Quán Lợi B dài 100m, rộng 4m	37	37	-
3	Đường BTXM tổ 7 ấp Sóc Trào A dài 250m, rộng 4m	92	92	-
4	Đường BTXM tổ 5 ấp Phú Miêng dài 1.060m, rộng 3m	291	291	-
5	Đường BTXM tổ 2 ấp Ấn Lợi dài 100m, rộng 3m	28	28	-
6	Đường BTXM tổ 5 ấp Hưng Thạnh dài 600m, rộng 5m	47	47	-
7	Đường BTXM tổ 2 ấp Ấn Lợi nâng cấp từ 3m lên 4m dài 200m	73	73	-
8	Đường BTXM tổ 11 ấp Núi Giò dài 600m, rộng 4m	222	222	-
9	Đường BTXM tổ 5 ấp Hưng Thạnh mở rộng từ 3m lên 5m dài 600m	110	110	-
VII	UBND Xã An Phú	1.409	1.409	-
*	Ngân sách hỗ trợ 275 triệu/01km đối với đường 3m; hỗ trợ 366 triệu/km đối với đường 4m; hỗ trợ 185 triệu đối với đường mở rộng từ 3m lên 5m; hỗ trợ 458 đối với đường nâng cấp từ 3m lên 5m	1.245	1.245	-
1	Đường BTXM tổ 4 ấp Phổ Lổ dài 150m, rộng 3m	41	41	-
2	Đường BTXM tổ 6 ấp Phổ Lổ dài 120m, rộng 3m	33	33	-
3	Đường BTXM tổ 8 ấp Phổ Lổ dài 500m, rộng 4m	184	184	-
4	Đường BTXM tổ 8 ấp Phổ Lổ dài 350m, rộng 4m	128	128	-
5	Đường BTXM tổ 4 ấp Tăng Hách dài 250m, rộng 4m	92	92	-
6	Đường BTXM tổ 6 ấp Tăng Hách dài 450m, rộng 3m	124	124	-
7	Đường BTXM tổ 5 ấp Tăng Hách dài 1.200m, rộng 4m	439	439	-
8	Đường BTXM tổ 8 ấp Bình Phú dài 300m, rộng 4m	110	110	-
9	Đường BTXM tổ 4 ấp Bình Phú dài 150m, rộng 4m	55	55	-
10	Đường BTXM tổ 4 ấp Bình Phú dài 140m, rộng 4m	39	39	-
*	Ngân sách hỗ trợ 100% dự toán (Áp dụng Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh)	164	164	-
1	Đường BTXM khu ĐCDC tổ 7 ấp Tăng Hách dài 550m, rộng 4m	164	164	-
VIII	UBND Xã Tân Quan	1.049	1.049	-
*	Ngân sách hỗ trợ 100% dự toán (Áp dụng Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh)	1.049	1.049	-
1	Đường BTXM tổ 1 ấp Sóc Lớn dài 995m, rộng 4m	943	943	-
2	Đường BTXM tổ 4, 5 ấp Ruộng 1 mở rộng từ 3m lên 4m dài 1.000m	106	106	-
IX	UBND TT. Tân Khai	2.837	2.837	-
*	Ngân sách hỗ trợ 275 triệu/01km đối với đường 3m; hỗ trợ 366 triệu/km đối với đường 4m; hỗ trợ 185 triệu đối với đường mở rộng từ 3m lên 5m; hỗ trợ 458 triệu đối với đường nâng cấp từ 3m lên 5m	2.837	2.837	-
1	Đường BTXM tổ 6 khu phố 1 dài 360m, rộng 4m	132	132	-
2	Đường BTXM tổ 7 khu phố 2 dài 290m, rộng 4m	106	106	-
3	Đường BTXM tổ 3 khu phố 2 dài 175m, rộng 4m	64	64	-
4	Đường BTXM tổ 3 khu phố 3 dài 830m, rộng 4m	304	304	-
5	Đường BTXM tổ 8 khu phố 3 dài 175m, rộng 4m	64	64	-
6	Đường BTXM tổ 7 khu phố 6 dài 850m, rộng 4m	311	311	-
7	Đường BTXM tổ 4 khu phố 1 dài 550m, rộng 4m	201	201	-
8	Đường BTXM tổ 6 khu phố 1 dài 110m, rộng 4m	40	40	-
9	Đường BTXM tổ 8 khu phố 2 dài 0,63km, rộng 4m	230	230	-
10	Đường BTXM tổ 5 khu phố 7 dài 0,19 km, rộng 4m	70	70	-



STT	Danh mục công trình	Kế hoạch vốn năm 2022 đã giao tại QĐ số 999/QĐ-UBND ngày 4/8/2022; QĐ số 1612/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2022	Tăng (+)/giảm (-)
11	Đường BTXM tổ 4 khu phố Tàu Ổ dài 565 m; rộng 4m	207	207	-
12	Đường BTXM tổ 4 khu phố 6 dài 430m rộng 4m	157	157	-
13	Đường BTXM tổ 7 khu phố 6 dài 1.005m rộng 4m	368	368	-
14	Đường BTXM tổ 8 khu phố 3 dài 87m, rộng 4m,	32	32	-
15	Đường BTXM tổ 7 khu phố 2 dài 66m, rộng 4m	24	24	-
16	Đường BTXM tổ 8 khu phố 2 dài 1000m, rộng 4m	366	366	-
17	Đường BTXM tổ 4 khu phố 3 dài 440m, rộng 4m	161	161	-
X	UBND xã Đồng Nơ	2.263	2.263	-
*	Ngân sách hỗ trợ 275 triệu/01km đối với đường 3m; hỗ trợ 366 triệu/km đối với đường 4m; hỗ trợ 185 triệu đối với đường mở rộng từ 3m lên 5m; hỗ trợ 458 đối với đường nâng cấp từ 3m lên 5m	2.263	2.263	-
1	Đường BTXM tổ 3 ấp 5 dài 865m, rộng 5m	370	370	-
2	Đường BTXM tổ 6 ấp 3 dài 750m, rộng 4m	275	275	-
3	Đường BTXM tổ 4 ấp 1 dài 50m, rộng 3m	14	14	-
4	Đường BTXM tổ 5 ấp 2 dài 500m, rộng 4m	183	183	-
5	Đường BTXM tổ 5 ấp 2 dài 300m, rộng 4m	110	110	-
6	Đường BTXM tổ 5 ấp 2 dài 200m, rộng 4m	73	73	-
7	Đường BTXM tổ 1 ấp 2 dài 300m, rộng 4m	110	110	-
8	Đường BTXM trục chính ấp 4 mở rộng từ 3m lên 5m dài 3300m	610	610	-
9	Đường BTXM tổ 5 ấp 2 mở rộng từ 3m lên 5m dài 2800m	518	518	-
XI	UBND xã Tân Hưng	1.910	1.910	-
*	Ngân sách hỗ trợ 275 triệu/01km đối với đường 3m; hỗ trợ 366 triệu/km đối với đường 4m; hỗ trợ 185 triệu đối với đường mở rộng từ 3m lên 5m; hỗ trợ 458 đối với đường nâng cấp từ 3m lên 5m	725	725	-
1	Đường BTXM tổ 3 ấp Hưng Yên dài 850m, rộng 3m	234	234	-
2	Đường BTXM tổ 3 ấp Sóc Ruộng, dài 1100m, rộng 4m	403	403	-
3	Đường BTXM tổ 5 ấp Hưng Lập A, dài 320m, rộng 3m	88	88	-
*	Ngân sách hỗ trợ 100% dự toán (Áp dụng Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh)	1.185	1.185	-
1	Đường BTXM vào khu dân tộc Thái ấp Sóc Quạ dài 900m, rộng 4m	853	853	-
	Đường BTXM tổ 1 khu trung tâm ấp Sóc Quạ dài 150m, rộng 4m	142	142	-
2	Đường BTXM trung tâm Sóc Dầm đi khu định canh định cư dài 200m, rộng 4m	190	190	-
XII	UBND xã Thanh An	2.955	2.955	-
*	Ngân sách hỗ trợ 275 triệu/01km đối với đường 3m; hỗ trợ 366 triệu/km đối với đường 4m; hỗ trợ 185 triệu đối với đường mở rộng từ 3m lên 5m; hỗ trợ 458 đối với đường nâng cấp từ 3m lên 5m	300	300	-
1	Đường BTXM tổ 8 ấp An Hòa, dài 650m, rộng 4m	110	110	-
2	Xây dựng đường BTXM tổ 10 ấp Địa Hạt - Sóc dầm dài 250m, rộng 4 m	190	190	-
*	Ngân sách hỗ trợ 100% dự toán (Áp dụng Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh)	2.655	2.655	-
1	Đường BTXM tổ 4 ấp Trà Thanh - Lỗ Ổ, dài 600m, rộng 4m	569	569	-
2	Đường BTXM tổ 6 ấp Thuận An, dài 600m, rộng 4m	569	569	-
3	Xây dựng đường BTXM tổ 8 ấp Bù Dinh dài 1000m, rộng 4m	948	948	-
4	Đường BTXM tổ 2 ấp Xa Cò, dài 600m, rộng 4m	569	569	-
C	Công trình khôi công mới không thực hiện cơ chế đặc thù	31.847	31.847	-
1	UBND Xã Minh Tâm	4.787	4.787	-

STT	Danh mục công trình	Kế hoạch vốn năm 2022 đã giao tại QĐ số 999/QĐ-UBND ngày 4/8/2022; QĐ số 1612/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2022	Tăng (+)/giảm (-)
1	Xây dựng, kè thoát nước bằng đá hộc đường ấp 3 xã Minh Tâm đi phường Hưng Chiến, TX Bình Long	1.800	1.800	-
2	Xây dựng cống thoát nước ấp 3	900	900	-
3	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở, mua sắm trang thiết bị trụ sở UBND xã	1.200	1.200	-
4	Xây dựng hệ thống thoát nước, hệ thống chống thấm, sửa chữa khu hiệu bộ và nhà vệ sinh trường MN Minh Tâm	270	270	-
5	Xây dựng mương thoát nước tuyến đường ấp 2 đi Phường Hưng chiến	300	300	-
6	Làm đường sỏi phún sóc 5, dài 1.000m	317	317	-
III	UBND Xã Thanh Bình	680	680	-
1	Cải tạo sân BTXM, đường nội bộ UBND xã	600	600	-
2	Nâng cấp, sửa chữa cống ấp Xa Cát	80	80	-
III	UBND Xã An Phú	1.075	1.075	-
1	Đặt cống đường mương tổ 5 ấp Bình Phú xã An Phú dài 160m	450	450	-
2	Mở rộng và nâng cấp đường sỏi đỏ liên ấp Phổ Lồ, Tăng Hách dài 1500m	625	625	-
IV	UBND Xã Tân Quan	9.431	9.431	-
1	Xây dựng hàng rào và cổng nhà văn hóa ấp 2	139	139	-
2	Xây dựng hàng rào và cổng nhà văn hóa ấp 5	316	316	-
3	Xây dựng hàng rào và cổng nhà văn hóa ấp Long Bình	322	322	-
4	Xây dựng hàng rào và cổng nhà văn hóa ấp Sóc Lớn	678	678	-
5	Xây dựng hàng rào và cổng nhà văn hóa ấp Xa Lách	321	321	-
6	Xây dựng hàng rào và cổng nhà văn hóa ấp Sóc Ruộng 2	201	201	-
7	Xây dựng hàng rào và cổng nhà văn hóa ấp Xạc Lầy	366	366	-
8	Xây dựng nhà làm việc công an xã	1.340	1.340	-
9	Sửa chữa nhà làm việc xã đội, hội trường UBND xã	360	360	-
10	Đường nhựa liên xã Tân Quan đi Phước An	4.688	4.688	-
11	Thay mái ngói bằng mái tôn Trường TH&THCS Tân Quan	700	700	-
V	UBND.TT. Tân Khai	336	336	-
1	Sửa chữa các hạng mục nhà bia tường niêm liệt sỹ thị trấn Tân Khai	336	336	-
VI	UBND xã Đồng Nơ	1.498	1.498	-
1	Xây dựng kè mương ấp 1 xã Đồng Nơ	250	250	-
2	Xây dựng kè mương ấp 2 xã Đồng Nơ	160	160	-
3	Xây dựng kè mương ấp 3 xã Đồng Nơ	200	200	-
4	Xây dựng kè mương ấp 4 xã Đồng Nơ	250	250	-
5	Xây dựng kè mương ấp 5 xã Đồng Nơ	278	278	-
6	Xây dựng cống, kè mương ấp Đồng Tân	210	210	-
7	Làm đường sỏi đỏ ấp Đồng Tân	150	150	-
VII	UBND xã Tân Hưng	985	985	-
1	Xây dựng nhà Văn hóa ấp Hưng Phát xã Tân Hưng	985	985	-
VIII	UBND xã Thanh An	9.555	9.555	-
1	Cải tạo, sửa chữa khuôn viên UBND xã Thanh An	2.122	2.122	-
2	Cải tạo sửa chữa nhà văn hóa ấp Thanh Sơn, xã Thanh An	1.400	1.400	-
3	Cải tạo sửa chữa nhà văn hóa ấp An Hòa, xã Thanh An	603	603	-
4	Xây dựng nhà văn hóa ấp An Sơn, xã Thanh An	1.610	1.610	-
5	Cải tạo sửa chữa nhà văn hóa ấp Địa Hạt, xã Thanh An	910	910	-
6	Xây dựng 2 cống D1000 tại tổ 8 ấp Bù Dinh, xã Thanh An	83	83	-
7	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa ấp Trung Sơn, xã Thanh An	767	767	-
8	Xây mương + đường BTXM ấp Trung Sơn	1.060	1.060	-
9	Xây dựng khuôn viên tượng đài tưởng niệm xã Thanh An	1.000	1.000	-
IX	UBND xã An Khương	3.500	3.500	-
1	Xây dựng vỉa hè đường vào UBND xã An Khương	800	800	-
2	Xây dựng cống hộp thoát nước ấp 3 Xã An Khương	500	500	-
3	Làm đường Láng nhựa ấp 1 Xã An Khương đi qua Lộc Khánh	2.200	2.200	-



DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BTXM - GTNT
TỪ NGUỒN TÌNH HỖ TRỢ ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN

(Kèm theo Tờ Trình số 241 /TTr-UBND ngày 08/12 /2022 của UBND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục công trình	Kế hoạch vốn năm 2022 đã giao tại QĐ số 999/QĐ-UBND ngày 4/8/2022	Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2022	Tăng (+)/giảm (-)
1	2	4	4	5
	Tổng cộng	24.340	24.340	-
I	Xã Minh Đức	413	413	-
*	Ngân sách hỗ trợ 80% dự toán (Áp dụng Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh)	413	413	-
1	Đường BTXM tổ 4 ấp Đồng Dầu dài 850m, rộng 4m	178	178	-
2	Đường BTXM ấp Chà Lon dài 850m, rộng 4m	235	235	-
II	Xã Đồng Nơ	1.390	1.390	-
*	Ngân sách hỗ trợ 80% dự toán (Áp dụng Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh)	1.390	1.390	-
1	Đường BTXM tổ 8 ấp 3 dài 1.000m, rộng 4m	695	695	-
2	Đường BTXM tổ 9 ấp 3 dài 1.000m, rộng 4m	695	695	-
III	Xã Tân Hưng	4.414	4.414	-
*	Ngân sách hỗ trợ 275 triệu/01km đối với đường 3m; hỗ trợ 366 triệu/km đối với đường 4m; hỗ trợ 185 triệu đối với đường mở rộng từ 3m lên 5m; hỗ trợ 458 đối với đường nâng cấp từ 3m lên 5m	622	622	-
1	Đường BTXM tổ 3 ấp Hưng Yên dài 750m, rộng 4m	274	274	-
2	Đường BTXM tổ 3,4 ấp Lòng Hồ dài 250m, rộng 4m	92	92	-
3	Đường BTXM tổ 1 ấp Sóc Quạ dài 300m, rộng 4m	110	110	-
4	Đường BTXM tổ 5 ấp Đông Hồ dài 400m, rộng 4m	146	146	-
**	Ngân sách hỗ trợ 100% dự toán (Áp dụng Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh)	3.792	3.792	-
1	Đường BTXM trung tâm Sóc Dầm dài 800m, rộng 4m	758	758	-
2	Đường BTXM trung tâm Sóc Ứng ấp Sóc Quạ dài 900m, rộng 4m	853	853	-
3	Đường BTXM dẫn vào trung tâm Sóc Ứng ấp Sóc Quạ dài 900m, rộng 4m	853	853	-
4	Đường BTXM trung tâm Sóc Ứng ấp Sóc Quạ dài 700m, rộng 4m	664	664	-
5	Đường BTXM dẫn vào trung tâm sóc Xoài Lớn ấp Hưng Phát dài 300m, rộng 4m	285	285	-
6	Đường BTXM trung tâm ấp Sóc Quạ dài 300m, rộng 4m	284	284	-
7	Đường BTXM trung tâm Sóc Đắc Sư ấp Đông Hồ dài 100m, rộng 4m	95	95	-
IV	Xã Thanh An	6.036	6.036	-

STT	Danh mục công trình	Kế hoạch vốn năm 2022 đã giao tại QĐ số 999/QĐ-UBND ngày 4/8/2022	Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2022	Tăng (+)/giảm (-)
*	Ngân sách hỗ trợ 275 triệu/01km đối với đường 3m; hỗ trợ 366 triệu/km đối với đường 4m; hỗ trợ 185 triệu đối với đường mở rộng từ 3m lên 5m; hỗ trợ 458 đối với đường nâng cấp từ 3m lên 5m	1.392	1.392	-
1	Đường BTXM tổ 8 ấp An Hòa, dài 650m, rộng 4m	128	128	-
2	Đường BTXM tổ 1 ấp Thuận An dài 700m, rộng 4m	256	256	-
3	Đường BTXM tổ 2 ấp Thuận An dài 360m, rộng 3m	99	99	-
4	Đường BTXM tổ 6 ấp An Sơn dài 830m, rộng 4m	304	304	-
5	Đường BTXM tổ 7 ấp An Sơn dài 140m, rộng 4m	52	52	-
6	Đường BTXM tổ 5 ấp An Sơn dài 450m, rộng 4m	165	165	-
7	Đường BTXM tổ 2 ấp An Sơn dài 90m, rộng 4m	33	33	-
8	Đường BTXM tổ 3,9 ấp An Hòa dài 530m, rộng 4m	194	194	-
9	Đường BTXM tổ 9 ấp An Sơn dài 200m, rộng 3m	55	55	-
10	Đường BTXM tổ 8 ấp An Hòa dài 150m, rộng 3m	42	42	-
11	Danh mục đường BTXM	23	23	-
12	Đường BTXM tổ 6 ấp Trung Sơn dài 150m, rộng 3m	41	41	-
**	Ngân sách hỗ trợ 100% dự toán (Áp dụng Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh)	4.644	4.644	-
1	Đường BTXM tổ 8 ấp Bù Dinh dài 800m, rộng 4m	758	758	-
2	Đường BTXM tổ 4 ấp Bù Dinh dài 800m, rộng 4m	758	758	-
3	Đường BTXM tổ 1 ấp Xa Cò dài 300m, rộng 4m	284	284	-
4	Đường BTXM vào nghĩa trang ấp Xa Cò dài 1.000m, rộng 4m	948	948	-
5	Đường BTXM tổ 5 ấp Xa Cò dài 1.000m, rộng 4m	948	948	-
6	Đường BTXM tổ 2 ấp Bù Dinh dài 1.000m, rộng 4m	948	948	-
V	Xã Minh Tâm	206	206	-
*	Ngân sách hỗ trợ 100% dự toán (Áp dụng Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh)	206	206	-
1	Đường BTXM Sóc Vàng dài 55m, rộng 3m	39	39	-
2	Đường BTXM Sóc Vàng dài 75m, rộng 3m	53	53	-
3	Đường BTXM Sóc 6 dài 160m, rộng 3m	114	114	-
VI	Xã Phước An	2.597	2.597	-
*	Ngân sách hỗ trợ 80% dự toán (Áp dụng Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh)	1.099	1.099	-
1	Đường BTXM tổ 2 ấp Sóc Dầy dài 750m, rộng 4m	569	569	-
2	Đường BTXM tổ 3 ấp Sóc Dầy dài 750m, rộng 4m	151	151	-
3	Đường BTXM tổ 1 ấp Văn Hiến 2 dài 500m, rộng 4m	379	379	-
**	Ngân sách hỗ trợ 100% dự toán (Áp dụng Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh)	1.498	1.498	-
1	Đường BTXM ấp Xa Trạch Sóc đi cầu Ông Thun tuyến 1 dài 600m, rộng 5m, dày 16cm	749	749	-
2	Đường BTXM ấp Xa Trạch Sóc đi cầu Ông Thun tuyến 2 dài 600m, rộng 5m, dày 16cm	749	749	-
VII	Xã Thanh Bình	225	225	-
*	Ngân sách hỗ trợ 100% dự toán (Áp dụng Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh)	225	225	-
1	Đường BTXM ấp Đông Phát nâng cấp từ 3m lên 5m dài 1.000m, rộng 5m	225	225	-

STT	Danh mục công trình	Kế hoạch vốn năm 2022 đã giao tại QĐ số 999/QĐ-UBND ngày 4/8/2022	Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2022	Tăng (+)/giảm (-)
VIII	Xã Tân Hiệp	2.885	2.885	-
*	Ngân sách hỗ trợ 275 triệu/01km đối với đường 3m; hỗ trợ 366 triệu/km đối với đường 4m; hỗ trợ 185 triệu đối với đường mở rộng từ 3m lên 5m; hỗ trợ 458 đối với đường nâng cấp từ 3m lên 5m	1.330	1.330	-
1	Đường BTXM tổ 1 ấp Tân Lập dài 810m, rộng 4m	137	137	-
2	Đường BTXM tổ 1 ấp 8 dài 530m, rộng 4m	194	194	-
3	Đường BTXM tổ 7 ấp Tân Lập dài 260m, rộng 4m	95	95	-
4	Đường BTXM tổ 1 ấp Tân Lập dài 300m, rộng 4m	110	110	-
5	Đường BTXM tổ 8, 9 ấp 6 dài 570m, rộng 4m	209	209	-
6	Đường BTXM tổ 6 ấp 6 dài 200m, rộng 4m	73	73	-
7	Đường BTXM tổ 10 ấp 6 dài 1.400m, rộng 4m	512	512	-
**	Ngân sách hỗ trợ 80% dự toán (Áp dụng Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh)	1.555	1.555	-
1	Đường BTXM tổ 5 ấp Sóc 5 dài 350m, rộng 4m	265	265	-
2	Đường BTXM tổ 5 ấp 9 dài 850m, rộng 4m	645	645	-
3	Đường BTXM tổ 5 ấp 9 nối dài dài 850m, rộng 4m	645	645	-
IX	Xã Tân Lợi	3.033	3.033	-
*	Ngân sách hỗ trợ 275 triệu/01km đối với đường 3m; hỗ trợ 366 triệu/km đối với đường 4m; hỗ trợ 185 triệu đối với đường mở rộng từ 3m lên 5m; hỗ trợ 458 đối với đường nâng cấp từ 3m lên 5m	228	228	-
1	Đường BTXM tổ 5 ấp Hưng Thạnh tổ 5 ấp Hưng Thạnh dài 600m, rộng 5m	228	228	-
**	Ngân sách hỗ trợ 100% dự toán (Áp dụng Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh)	2.805	2.805	-
1	Đường BTXM tổ 9 ấp Sóc Trào A nâng cấp từ 3m lên 5m dài 500m + 200m mương thoát nước 100x100	818	818	-
2	Đường BTXM tổ 1 ấp Sóc Lết nâng cấp từ 3m lên 4m dài 400m + 200m mương thoát nước 100x100	653	653	-
3	Đường BTXM tổ 2 ấp Sóc Lết nâng cấp từ 3m lên 4m dài 400m + 200m mương thoát nước 100x100	653	653	-
4	Đường BTXM tổ 1, 3 ấp Sóc Trào B nâng cấp từ 3m lên 5m dài 350m + 200m mương thoát nước 100x100	681	681	-
X	Xã An Khương	1.950	1.950	-
*	Ngân sách hỗ trợ 80% dự toán (Áp dụng Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh)	1.326	1.326	-
1	Đường BTXM ấp 2 dài 500m, rộng 4m	379	379	-
2	Đường BTXM ấp 5 dài 500m, rộng 4m	379	379	-
3	Đường BTXM ấp 4 dài 350m, rộng 4m	265	265	-
4	Đường BTXM ấp 4 dài 400m, rộng 4m	303	303	-
*	Ngân sách hỗ trợ 100% dự toán (Áp dụng Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh)	624	624	-
1	Đường BTXM từ nhà văn hóa ấp 5 đi cầu Thanh Niên dài 500m, rộng 5m, dày 16cm	624	624	-



STT	Danh mục công trình	Kế hoạch vốn năm 2022 đã giao tại QĐ số 999/QĐ-UBND ngày 4/8/2022	Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2022	Tăng (+)/giảm (-)
XI	Xã An Phú	549	549	-
*	Ngân sách hỗ trợ 100% dự toán (Áp dụng Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh)	549	549	-
1	Đường BTXM khu ĐCĐC tổ 7 ấp Tăng Hách dài 550m, rộng 4m	357	357	-
2	Đường BTXM tổ 1, 2 ấp Sóc Rul dài 270m, rộng 3m	192	192	-
XII	Xã Tân Quan	642	642	-
*	Ngân sách hỗ trợ 100% dự toán (Áp dụng Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh)	642	642	-
1	Đường BTXM tổ 1 ấp Xạc Lây mở rộng từ 3m lên 4m dài 100m	24	24	-
2	Đường BTXM tổ 2, 4 ấp Sóc Lớn mở rộng từ 3m lên 4m dài 750m	178	178	-
3	Đường BTXM tổ 3 ấp Xạc Lây mở rộng từ 3m lên 4m dài 800m	190	190	-
4	Đường BTXM tổ 4, 5 ấp Ruộng 1 mở rộng từ 3m lên 4m dài 1.000m	131	131	-
5	Đường BTXM tổ 3 ấp Sóc Lớn mở rộng từ 3m lên 4m dài 500m	119	119	-